TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/**2022/DS-PT
Ngày 18/01/2022
V/v "Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Bà Mai Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc *"Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản"*.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 52/2020/DS –ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2021/QĐXX-DSPT ngày 27/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Huỳnh Minh Tr**, sinh năm 1959 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng
2. *Bị đơn*: Ông **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1954 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện Thạnh T

3.3 Bà Huỳnh Kim A, sinh năm 1951

Đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Minh Tr (Có mặt)

3.4 Ông Huỳnh Đại Q, sinh năm 1964 (Có mặt)

3.5 Bà Ngô Minh Th, sinh năm 1959; ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1985; bà Huỳnh Thị Mộng C, sinh năm 1986; bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1989; bà Huỳnh Thị

Nh, sinh năm 1991; ông Huỳnh Đại Đ, sinh năm 1992; bà Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1995; bà Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm 1996

Đại diện ủy quyền của các ông bà trên là: Ông Huỳnh Văn D (Có mặt)

3.6 Bà Trần Thị M, sinh năm 1959; ông Trần Vũ, sinh năm 1985

Đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Minh Tr (Có mặt)

3.7 Bà Lý Ngọc Hân; Địa chỉ: Ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 21/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Minh Tr trình bày:***

Cha mẹ ông Tr là ông Huỳnh Đại Đ (hy sinh năm 1969) và bà Trần Thị Nh (chết ngày 18/9/2015) có tổng cộng 07 người con gồm: 1. Ông Huỳnh Đại T (hy sinh năm 1969, khi còn sống không có vợ con); 2. Huỳnh Thị T (chết khi được khoảng 4-5 tuổi); 3. Huỳnh Trung H (chết khi được khoảng 4-5 tuổi); 4. Bà Huỳnh Kim A; 5. Ông Huỳnh Văn D; 6. Ông Huỳnh Minh Tr; 7. Ông Huỳnh Đại Q; ngoài ra, ông Đ và bà Nh không có con riêng, con nuôi nào khác; cha mẹ ông Đ và cha mẹ bà Nh đều đã chết hết; ông Đ không có người vợ nào khác và bà Nh không có người chồng nào khác.

Lúc sinh thời, bà Nh có tạo lập được tài sản là các phần đất tại các thửa số 09 (6.825m²), 156 (20.600m²), 157 (12.310m²), 158 (6.640m²) và 515 (13.060m²), cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp T, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có nguồn gốc do bà Nh nhận chuyển nhượng của người khác. Vào khoảng năm 1975, bà Nh tiến hành chia đất cho 04 người con gồm bà A, ông D, ông Tr và ông Q; việc chia đất này tuy chỉ nói miệng, không có lập giấy tờ nhưng bà A, ông D, ông Tr và ông Q đã canh tác ổn định từ đó đến nay, cụ thể:

- Thửa số 09 (6.825m²): Chia cho ông D 2.000m², chia cho ông Q 1.500m², chia cho ông Tr 3.325m²; hiện nay ông Tr đã xây cất nhà kiên cố và lên liếp làm vườn trồng cây ăn trái trên phần đất của ông Tr.
- Thửa số 156 (20.600m²): Chia cho ông D 16.000m², chia cho ông Tr 4.600m².
- Thửa số 157 (12.310m²): Chia cho bà A 3.000m², chia cho ông Tr

9.310 m², bà A nhận đất xong giao cho ông Tr sử dụng; ông Tr đã canh tác ổn định từ khi nhận đất đến nay.

- Thửa số 158 (6.640m²): Chia cho ông D 4.000m², chia cho ông Tr 2.640 m².

Để thuận lợi cho việc sử dụng đất, vào năm 2011 ông Tr đã đổi 4.000m² ở thửa số 156 cho ông D và nhận của ông D 4.000m² ở thửa số 158 để ông Tr được sử dụng toàn bộ diện tích của thửa số 158 là 6.640m² và một phần diện tích của thửa số 156 là 600m², còn ông D được sử dụng một phần diện tích của thửa số 156 là 20.000m². Tuy nhiên, ông D đã chiếm một phần diện tích của thửa số 156 là 600m² (phần còn dư khi hai bên đổi đất với nhau) và toàn bộ diện tích của thửa số 158 là 6.640 m² từ năm 2017 cho đến nay.

Tuy được bà Nh chia đất nhưng ông Tr chưa tiến hành đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất đối với các phần đất được chia cho. Khi bà Nh chết ông Tr có nhu cầu cấp giấy CNQSD đất thì phát hiện ông D đã đăng ký và được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Thạnh T cấp giấy CNQSD đất số 00098 ngày 22/4/1995 cho ông D bao trùm lên các phần đất của ông Tr, nên ông Tr nhiều lần yêu cầu ông D và vợ là bà Ngô Minh Th làm thủ tục tách giấy, nhưng ông D và bà Thảnh cố tình kéo dài không thực hiện. Hiện nay, ông D đã thế chấp giấy CNQSD đất để vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thạnh T.

Đối với yêu cầu độc lập của bà A, ông Q về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với các phần đất tại các thửa số 09, 156, 157 và 158 thì ông Tr cũng đồng ý, nhưng khi giải quyết chia thừa kế ông Tr yêu cầu Tòa án tách các phần đất mà ông Tr đã được bà Nh chia cho nêu trên.

Đối với phần đất diện tích 912,4m² (thuộc thửa số 158) nằm cặp ranh với đất ông Nguyễn Văn Ng có nguồn gốc trước đây là của bà Trương Thị H (thường gọi là bà út Kh) chuyển nhượng cho bà Nh chứ không phải là chuyển nhượng cho ông D, nếu ông D chứng minh được phần đất này do ông D nhận chuyển nhượng của bà H thì ông Tr đồng ý giao cho ông D, còn nếu ông D không chứng minh được thì ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với phần đất này.

Riêng phần đất tại thửa số 515 (13.060m²) bà Nh đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông út G từ rất lâu, hiện nay ông út G là người đang quản lý, sử dụng đất nhưng chưa tách giấy do ông D đã thế chấp giấy CNQSD đất để vay tiền của Ngân hàng chưa chuộc về; các anh chị em đều thừa nhận việc chuyển nhượng này và không có ai tranh chấp với ông út G. Do phần đất này bà Nh đã sang nhượng cho ông út G nên không còn là di sản thừa kế của bà Nh, nên trong vụ án ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề gì đối với phần đất này.

Vào ngày 27/01/2019 ông D cùng các con là ông Huỳnh Đại Đồng và ông Huỳnh Văn S vào phần đất của ông Tr đào đất lấp bờ mương làm cho 30 cây nhãn không cho trái trong một năm với mức thiệt hại là 20.000.000 đồng; đào gốc 03 cây mít để bán cho người khác lấy số tiền là 15.000.000 đồng (ai là người mua thì ông Tr không rõ); sự việc này được ông Trương Văn Rỏ là công an viên ấp Tân Ph đến lập biên bản ghi nhận sự việc vào ngày 28/01/2019; ngoài ra, do ông D, ông Đồng và ông Sắc còn phá tường rào của ông Tr nên nhiều người vào phần đất của ông Tr một cách tự do, làm thiệt hại nhiều tài sản của ông Tr và làm ông Tr mất thu nhập hàng năm từ cá trong mương với mức thiệt hại là 6.000.000đồng. ông Tr tạm tính phần thiệt hại 30 cây nhãn là 20.000.000 đồng; 03 cây mít là 15.000.000 đồng; cá trong mương là 6.000.000 đồng; tổng cộng là 41.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tr thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Không yêu cầu Tòa án công nhận và ổn định cho ống Huỳnh Minh Tr được quyền sử dụng các phần đất tại các thửa số 09 (3.325m²), 156 (600m²), 157 (9.310 m²) và 158 (6.640m²) cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế các thừa đất trên theo quy định của pháp luật và chia đều cho 04 người anh em; rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy một phần giấy CNQSD đất số 00098 ngày 22/4/1995 do UBND huyện Thạnh T cấp cho hộ ông Huỳnh Văn D đối với các phần đất này và giữ

nguyên yêu cầu buộc ông Huỳnh Văn D, ông Huỳnh Đại Đ và ông Huỳnh Văn S liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Huỳnh Minh Tr số tiền là 41.000.000 đồng.

**** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Văn D trình bày:***

Thống nhất về họ tên cha mẹ, thời điểm cha mẹ chết, quan hệ hôn nhân, quan hệ thừa kế của cha mẹ, ông D thống nhất với lời trình bày của ông Tr và không có ý kiến gì khác; Các phần đất tại các thửa số 09, 156, 157, 158 và 515, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc do bà Nh tạo lập trước năm 1975 và thuộc quyền sử dụng của riêng bà Nh chứ không thuộc quyền sử dụng của ông Đ, do ông Đ đi tham gia kháng chiến ít khi về nhà cho đến khi ông Đ hy sinh vào năm 1969.

Ông D đi nghĩa vụ quốc tế tại Campuchia đên năm 1981 thì phục viên về sinh sống cùng với bà Nh tại xã T. Khi đó đất của gia đình tuy nhiều nhưng là đất phèn mặn, canh tác không có năng suất nên bà A, ông Tr và ông Q bỏ đất, từ đó bà Nh đã chuyển cho ông D đứng tên quyền sử dụng đất của gia đình, bà Nh có nhờ cán bộ xã hướng dẫn thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông D. Ông D tiến hành kê khai, đăng ký và được UBND huyện Thạnh T cấp giấy CNQSD đất vào năm 1995, việc ông D được cấp giấy CNQSD đất bà Nh cũng đồng ý.

Bà Nh đã tiến hành chia tài sản cho 04 người con gồm bà A, ông D, ông Tr và ông Q xong, trong đó ông D được bà Nh chia cho các phần đất tại các thửa số 09, 156, 157 và 158, ông D đã giữ lại đất và canh tác liên tục trên đất cho đến nay; còn bà A, ông Tr và ông Q đều có tài sản và nơi cư trú ổn định nên được bà Nh chia cho tiền, vàng và 20.000m² đất ruộng cũng tại xã Tân Long, về sau bà A, ông Tr và ông Qu đã chuyển nhượng hết diện tích đất ruộng này cho người khác.

Đến năm 2000, ông Tr làm ăn thất bại nên trở về sinh sống và canh tác trên phần đất của ông D, do ông D cho ông Tr mượn đất để sử dụng, khi đó ông D có thế chấp giấy CNQSD đất để vay của Ngân hàng số tiền 43.000.000 đồng cho ông Tr xây dựng lò sấy lúa. Khi ông Tr về thì ông Tr sinh sống cùng với bà Nh để chăm sóc bà Nh còn ông D dọn ra ở riêng. Căn nhà trên đất hiện nay có một phần nhà cạnh cái mả (ngang 11,1 m x 10 m) là do các anh chị em cùng bỏ tiền ra đế xây cất, còn các phần nhà còn lại do ông Tr bỏ tiền ra để xây cất nhưng có phần tiền của Nhà nước hỗ trợ cho Bà mẹ Việt Nam Anh hùng 40.000.000 đồng cho bà Nh, do ông Tr là người nhận số tiền này. Sau khi bà Nh chết thì ông Tr vẫn sinh sống trong căn nhà này cho đến nay.

Đối với phần đất diện tích 912,4m² (thuộc thửa số 158) nằm cặp ranh với đất ông Ng là do ông D nhận chuyển nhượng của bà H vào khoảng năm 1984-1985 chứ không phải do bà Nh nhận chuyển nhượng, khi đó ông D đã ra ở riêng không còn sinh sống cùng với bà Nh; việc chuyển nhượng này chỉ có ông D và bà H biết ngoài ra không có ai khác biết, giá chuyển nhượng là bao nhiêu thì ông D không nhớ nhưng hai bên có làm giấy tay, do sau này giấy tay bị thất lạc nên sau khi phát sinh tranh chấp thì ông D có nhờ bà H ký lại giấy tay khác, về nguồn gốc, phần đất này trước đây là đất của ông Ng, sau đó ông Ng giao đất cho ông Bảy N (đã chết, hiện nay không rõ thân nhân đang ở đâu) rồi ông Bảy N giao đất lại cho bà H, sau này bà H mới chuyển nhượng lại cho ông D.

Đối với phần đất tại thửa số 515 (13.060m²) đã chuyển nhượng cho ông út G, khi đó ông D không có mặt ở nhà nên không biết rõ thời điểm chuyển nhượng và người chuyển nhượng đất cho ông út G là bà Nh hay ông Tr, hiện nay các bên cũng không có tranh chấp gì, nên trong vụ án này ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề gì đối với phần đất này.

Khi bà Nh còn sống các anh chị em không ai có ý kiến về việc bà Nh chia tài sản và ông D đứng tên giấy CNQSD đất đối với các phần đất tranh chấp, nhưng sau khi bà Nh chết thì ông Tr yêu cầu khởi kiện công nhận đất, còn bà A và ông Q yêu cầu độc lập chia thừa kế, trong khi đó các phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông D đã được bà Nh chia cho. Do đó, ông D không đồng ý với các yêu cầu này của bà A, ông Tr và ông Q. Đối với việc ông Tr đang sử dụng đất tại các thửa số 09, 156, 157 và 158 thì ông D không yêu cầu ông Tr trả lại đất, sau này nếu có tranh chấp thì ông D sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

Ông Tr khởi kiện yêu cầu ông D bồi thường thiệt hại về cây trồng và cá trong mương với số tiền 41.000.000 đồng: Do không có đường để cho máy ra vào kéo lúa nên ông D mới dọn đường và có tiến hành chặt 01 cây nhãn, 02 cây mít và nhánh của vài cây nhãn để có đường cho máy chạy; cây mít do rụng hột tự mọc lên chứ không phải do ông Tr trồng và do cây mít cũng đã chết nên ông D mới chặt bỏ, ông D cũng không có đào gốc làm cho 30 cây nhãn của ông Tr không cho trái trong một năm như ông Tr trình bày, các cây nhãn trên đất là do các anh chị em cùng nhau trồng chứ không phải do một mình ông Tr trồng, các cây này cũng đã bỏ không có thu hoạch gần 10 năm nay; còn mương (ao) cá bỏ lạng ông Tr không có thả nuôi cá nên việc ông Tr nói mất thu nhập từ cá trong mương là không đúng. Do đó, ông D không đồng ý với yêu cầu này của ông Tr.

**** Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 28/4/2020, đơn yêu cầu (v/v rút lại một phần nội dung đơn yêu cầu độc lập) đề ngày 21/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người cổ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Kim A và tại tòa ông Tr đại diện theo ủy quyền của bà A trình bày:***

Các vấn đề về họ tên cha mẹ, thời điểm chết của cha mẹ, quan hệ hôn nhân, quan hệ thừa kế của cha mẹ... bà A thống nhất với lời trình bày của ông Tr và không có ý kiến gì khác.

Lúc sinh thời, bà Nh có tạo lập được tài sản là các phần đất tại các thửa số 09 (6.825m²), 156 (20.600m²), 157 (12.310m²), 158 (6.640m²) va 515 (13.060m²), cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Vào khoảng năm 1977, bà Nh tiến hành chia đất cho 04 người con gồm bà A, ông D, ông Trung và ông Q; việc chia đất này tuy chỉ nói miệng, không có lập giấy tờ nhưng bà A, ông D, ông Tr và ông Q đã canh tác ổn định từ đó đến nay, cụ thể:

-Thửa số 09 (6.825m²): Chia cho ông D 2.000m², chia cho ông Q 1.500m², chia cho ông Tr 3.325m².

-Thửa số 156 (20.600m²): Chia cho ông D 16.000m², chia cho ông Tr 4.600m².

-Thửa số 157 (12.310m²): Chia cho bà A 3.000m², chia cho ông Tr

9.31m², bà A nhận đất xong giao cho ông Tr mượn sử dụng.

-Thửa số 158 (6.640m²): Chia cho ông D 4.000m², chia cho ông Tr 2.640m².

Tuy được bà Nh chia đất nhưng bà A chưa được cấp giấy CNQSD đất. Khi bà Nh chết bà A có nhu cầu cấp giấy CNQSD đất thì phát hiện ông D đã đăng ký và

được cấp giấy CNQSD đất bao trùm lên phần đất của bà A, nên bà A nhiều lần yêu cầu ông D và vợ là bà Thảnh làm thủ tục tách giấy, nhưng ông D và bà Thảnh cố tình kéo dài không thực hiện. Hiện nay, ông D đã thế chấp giấy CNQSD đất để vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thạnh T. Hơn nữa, ông D còn chiếm khoảng 500m² đất của bà A để làm đường đi.

Riêng phần đất tại thửa số 515 (13.060m²) bà Nh đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông út G từ rất lâu, hiện nay ông út G là người đang quản lý, sử dụng đất nhưng chưa tách giấy do ông D đã thế chấp giấy CNQSD đất để vay tiền của Ngân hàng chưa chuộc về; các anh chị em đều thừa nhận việc chuyển nhượng này và không có ai tranh chấp với ông út G. Do phần đất này bà Nh đã sang nhượng cho ông út G nên không còn là di sản thừa kế của bà Nh, nên trong vụ án này bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề gì đối với phần đất này.

Đối với 01 căn nhà giáp mộ bà A đồng ý giao cho ông Tr quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng cha mẹ, không ai được quyền sang bán.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 28/4/2020 bà Huỳnh Kim A yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia thừa kế theo pháp luật đối với các phần đất tại các thửa số 09 (6.825m²), 156 (20.600m²), 157 (12.310 m²) và 158 (6.640m²), cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng; Hủy giấy CNQSD đất số 00098 ngày 22/4/1995 do UBND huyện Thạnh T cấp cho hộ ông Huỳnh Văn D đối với các phần đất này.

Tại đơn yêu cầu (v/v rút lại một phần nội dung đơn yêu cầu độc lập) đề ngày 21/7/2020 bà Huỳnh Kim A rút lại một phần yêu cầu độc lập về việc hủy giấy CNQSD đất nêu trên, theo đó hiện nay chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia thừa kế theo pháp luật đối với các phần đất tại các thửa số 09 (6.825m²), 156 (20.600m²), 157 (12.310m²) và 158 (6.640m²), cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

**** Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 28/4/2020, đơn yêu cầu (v/v rút lại một phần nội dung đơn yêu cầu độc lập) đề ngày 21/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đại Q trình bày:***

Các vấn đề về họ tên cha mẹ, thời điểm chết của cha mẹ, quan hệ hôn nhân, quan hệ thừa kế của cha mẹ... ông Q thống nhất với lời trình bày của ông Tr và không có ý kiến gì khác.

Lúc sinh thời, bà Nh có tạo lập được tài sản là các phần đất tại các thửa số 09 (6.825m²), 156 (20.600m²), 157 (12.310m²), 158 (6.640m²) va 515 (13.060m²), cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Vào khoảng năm 1977, bà Nh tiến hành chia đất cho 04 người con gồm bà A, ông D, ông Tr và ông Q; việc chia đất này tuy chỉ nói miệng, không có lập giấy tờ nhưng bà A, ông D, ông Tr và ông Q đã canh tác ổn định từ đó đến nay, cụ thể:

-Thửa số 09 (6.825m²): Chia cho ông D 2.000m², chia cho ông Q 1.500m2, chia cho ông Tr 3.325m².

-Thửa số 156 (20.600m²): Chia cho ông D 16.000m², chia cho ông Tr 4.600 m².

-Thửa số 157 (12.310m²): Chia cho bà A 3.000m², chia cho ông Tr

9.310 m², bà A nhận đất xong giao cho ông Tr mượn sử dụng.

-Thửa số 158 (6.640m²): Chia cho ông D 4.000m², chia cho ông Tr 2.640m².

Tuy được bà Nh chia đất nhưng ông Q chưa được cấp giấy CNQSD đất. Khi bà Nh chết ông Q có nhu "Cầu cấp giấy CNQSD đất thì phát hiện ông D đã đăng ký và được cấp giấy CNQSD đất bao trùm lên phần đất của ông Q, nên ông Q nhiều lần yêu cầu ông D và vợ là bà Thảnh làm thủ tục tách giấy, nhưng ông D và bà Thảnh cố tình kéo dài không thực hiện. Hiện nay, ông D đã thế chấp giấy CNQSD đất để vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thạnh T. Hơn nữa, ông D còn chiếm khoảng 500 m² đất của ông Q.

Riêng phần đất tại thửa số 515 (13.060m²) bà Nh đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông út G từ rất lâu, hiện nay ông út G là người đang quản lý, sử dụng đất nhưng chưa tách giấy do ông D đã thế chấp giấy CNQSD đất đế vay tiền của Ngân hàng chưa chuộc về; các anh chị em đều thừa nhận việc chuyển nhượng này và không có ai tranh chấp với ông út G. Do phần đất mà bà Nh đã sang nhượng cho ông út G nên không còn là di sản thừa kế của bà Nh, nên trong vụ án này ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề gì đối với phần đất này.

Đối với 01 căn nhà giáp mộ ông Q đồng ý giao cho ông Tr quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng cha mẹ, không ai được quyền sang bán.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 28/4/2020 ông Huỳnh Đại Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia thừa kế theo pháp luật đối với các phần đất tại các thửa số 09 (6.825m²), 156 (20.600m²), 157 (12.310m²) và 158 (6.640m²), cùng tờ bản đô sô 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Hủy giấy CNQSD đất số 00098 ngày 22/4/1995 do UBND huyện Thạnh T cấp cho hộ ông Huỳnh Văn D đối với các phần đất này.

Tại đơn yêu cầu (v/v rút lại một phần nội dung đơn yêu cầu độc lập) đề ngày 21/7/2020 ông Huỳnh Đại Q rút lại một phần yêu cầu độc lập về việc hủy giấy CNQSD đất nêu trên, theo đó hiện nay chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyêt: Chia thừa kê theo pháp luật đối với các phần đất tại các thủa so 09 (6.825m²), 156 (20.600m²), 157 (12.310m²) và 158 (6.640m²), cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: Đến ngày 05/11/2020 ông D còn nợ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thạnh T số tiền 72.671.733 đồng, trong đó nợ gốc 43.000.000 đồng và nợ lãi 29.671.733 đồng (theo hợp đồng tín dụng: số 18/NHNo-TD ngày 20/6/2000; hạn trả ngày 20/6/2003.

Tài sản dùng để vay vốn gồm 01 giấy CNQSD đất số: D 841676, ngày cấp 22/4/1995, nơi cấp: UBND huyện Thạnh Trị, diện tích: 59.435m²). Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc vay nợ mà đế ông D và gia đình tự trả nợ vay theo hợp đồng. Trường hợp ông D và gia đình không thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện yêu cầu ông D và gia đình thanh toán nợ trong vụ án khác. (Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 13/01/2002, cũng xác nhận ý kiến này).

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Thạnh T trình bày: Việc cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông D tại các thửa số 09, 156, 157 và 158, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng là đúng theo trình tự, thủ tục tại thời điểm cấp; việc cấp giấy này thực hiện tại thời điểm đăng ký đại trà không có kiểm tra

đo đạc hiện trạng thực tế; về nguồn gốc đất trước đây do ai sử dụng do không có hồ sơ lưu nên không thể cung cấp; trong sổ mục kê các thửa số 09, 156, 157 và 158 do ông D đứng tên.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Minh Th, ông Huỳnh Văn sắc, bà Huỳnh Thị Mộng Câm, bà Huỳnh Thị Điêu, bà Huỳnh Thị Nhan, ông Huỳnh Đại Đông, bà Huỳnh Thị Ngọc Nữ và bà Huỳnh Thị Hồng Hạnh: Thống nhất với lời trình bày của ông D và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tr thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu Tòa án công nhận và ổn định cho ông Huỳnh Minh Tr được quyền sử dụng các phần đất tại các thửa số 09 (3.325m²), 156 (600m²), 157 (9.310m²) và 158 (6.640m²), cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế các thửa đất trên theo quy định của pháp luật và chia đều cho 04 người anh em; rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy một phần giấy CNQSD đất số 00098 ngày 22/4/1995 do UBND huyện Thạnh T cấp cho hộ ông Huỳnh Văn D đối với các phần đất này; giữ nguyên yêu cầu buộc ông Huỳnh Văn D, ông Huỳnh Đại Đông và ông Huỳnh Văn S liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Huỳnh Minh Tr số tiền là 41.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Kim A, ông Huỳnh Đại Q vẫn giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu độc lập đã được rút lại một phần theo các đơn yêu cầu (v/v rút lại một phần nội dung đơn yêu cầu độc lập) đề ngày 21/7/2020; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2020/DS –ST ngày 12 – 11 – 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh Tr vê việc yêu câu ông Huỳnh Văn D, ông Huỳnh Đại Đ và ông Huỳnh Văn S có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại đối với 30 cây Nhãn, 03 cây Mít và Cá trong mương với số tiền là 41.000.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh Tr, yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Kim A và ông Huỳnh Đại Q về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: D841676, số vào sổ: 00098 ngày 22/4/1995 do ủy ban nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Huỳnh Văn D đối với các phần đất tại các thửa số 09, 156, 157, 158 và 515, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của ông Huỳnh Văn D, bà Huỳnh Kim A, ông Huỳnh Đại Q và ông Huỳnh Minh Tr đồng ý để: căn nhà diện tích (06m x 16,6m) là 99,6 m² có kết cấu tường xây gạch 10, bê tông cốt thép, mái tole và firbo xi măng, gạch ceramic; nhà mồ: diện tích (4m x 4,5) 18m²; nhà thờ phật: diện tích (3,8m x 5m) 19 m²; nhà miếu: diện tích (3,6m x 3,6m) 12,96 m² các tài sản trên nằm trong tổng diện tích 565m² thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (hiện đang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: D 841676, số vào sổ: 00098 ngày 22/4/1995 do ủy ban nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Huỳnh Văn D đứng tên) cho ông Huỳnh Minh Tr tạm thời quản lý, sử dụng cũng là tài sản chung của bốn người anh em để thờ cúng ông bà, cha mẹ; phần đất có số đo, vị trí tứ cận như sau:

-Hướng Đông giáp kênh thủy lợi số đo 24,4m;

-Hướng Tây giáp phần đất ông Huỳnh Minh Tr được chia thửa 158 số đo 27m;

-Hướng Nam giáp lộ đal số đo 23m;

-Hướng Bắc giáp phần đất ông Huỳnh Minh Tr được chia thửa 158 số đo 6,5m + 5m + 16,5m.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu thay đổi, bổ sung khởi kiện của ông Huỳnh Minh Tr, yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Kim A và ông Huỳnh Đại Q về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Trần Thị Nh chết để lại là các phần đất tại các thửa số 09 (diện tích theo giấy 6.825m², diện tích theo đo đạc thực tế 7.975,3 m², loại đất mùa), 156 (diện tích theo giấy 20.600m², diện tích theo đo đạc thực tế 24.285,8m², loại đất mùa), 157 (diện tích theo giấy 12.310m², diện tích theo đo đạc thực tế 13.719,7m², loại đất LNK) và 158 (diện tích theo giấy 6.640m², diện tích theo đo đạc thực tế 5.152,7m², loại đất T + LNK), cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (hiện đang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: D 841676, số vào sổ: 00098 ngày 22/4/1995 do ủy ban nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Huỳnh Văn D đứng tên).

4.1. Công nhận các phần đất nêu trên với diện tích 51.133,5m² có tổng giá trị (2.039.896.500đ - phần giá trị quyền sử dụng đất là tài sản chung của bốn người anh em là 25.425.000đ) là 2.014.471.500 đồng di sản thừa kế của bà Trần Thị Nh chết để lại. Các phần đất có số đo, tứ cận:

4.2.1. Phần đất tại thửa số 09 (diện tích theo giấy 6.825m², diện tích theo đo đạc thực tế 7.975,3m², loại đất mùa), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng:

-Hướng Đông giáp kênh thủy lợi số đo 64,8m;

-Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Công số đo 65,14m + 5,63m;

-Hướng Nam giáp đất ông Cao Văn Vũ số đo 91,87m + 20,65m + 4,78m;

-Hướng Bắc giáp bờ kênh nông trường số đo 112,88m+ 4,78m.

4.2.2. Phần đất tại thửa số 156 (diện tích theo giấy 20.600m², diện tích theo đo đạc thực tế 24.285,8m², loại đất mùa), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng:

-Hướng Đông giáp thửa số 157 và kênh thủy lợi số đo 84,16m +4,79m.

4.2.3. Phần đất tại thửa số 157 (diện tích theo giấy 12.310m², diện tích theo đo đạc thực tế 13.719,7m², loại đất LNK), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng:

-Hướng Đông giáp kênh thủy lợi số đo 162,25m + 21,91m;

-Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Ng và thửa số 156 số đo 25,61m + 13,26m + 5,6m + 4,1m + 10,21m + 27,53m + 14,69m + 84,16m;

-Hướng Nam giáp thửa số 158 số đo 44,34m + 18,87m + 65,24m;

-Hướng Bắc giáp thửa số 156 số đo 107,31m + 5,88m + 8,82m.

4.2.4. Phần đất tại thửa số 158 (diện tích theo giấy 6.640m², diện tích theo đo đạc thực tế 5.152,7m², loại đất T + LNK), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng:

-Hướng Đông giáp kênh thủy lợi số đo 33,89m;

-Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Ng số đo 28,67m;Hướng Nam giáp lộ đal số đo 10,93m + 12,02m + 9,25m + 12,1m + 12,17m + 18,28m + 13,09m + 7,99m + 9,61m + 13,6m + 16,36m + 25,24m;

-Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Ng và thửa số 157 số đo 27,85m + 44,34m + 18,87m + 65,24m.

4.3. Chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Nh chết để lại là các phần đất nêu trên thành 05 kỷ phần với giá trị tương đương mỗi kỷ phần là 402.894.300 đồng cho các đồng thừa kế, trong đó bà Huỳnh Kim A, ông Huỳnh Minh Tr và ông Huỳnh Đại Q mỗi người được hưởng 01 kỷ phần, ông Huỳnh Văn D được hưởng 02 kỷ phần, cụ thế như sau:

4.3.1. Bà Huỳnh Kim A được nhận hiện vật là phần đất có tổng diện tích 7.958,04m², bao gồm:

4.3.1.1. Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 3.976,84m², tại thửa số 157 (loại đất LNK), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

-Hướng Đông giáp phần đất ông Huỳnh Đại Q được chia tại thửa 157 số đo 100,77m;

-Hướng Tây giáp phần đất ông Huỳnh Văn D được chia tại thửa 157 số đo 75,84 m+ 24,88m + 22,03m;

-Hướng Nam giáp phần đất bà Huỳnh Kim A được chia tại thửa 158 số đo 25m;

-Hướng Bắc giáp phần đất Huỳnh Kim A được chia tại thửa 156 sổ đo 40,88m;

4.3.1.2. Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 849,2m², tại thửa số 158 (75m² loại đất T + 774,2m² loại đất LNK), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

-Hướng Đông giáp phần đất ông Huỳnh Đại Q được chia tại thửa 158 số đo 34,57m;

-Hướng Tây giáp phần đất ông Huỳnh Văn D được chia tại thửa 158 số đo 33,10 m;

-Hướng Nam giáp lộ dal số đo 25m;

-Hướng Bắc giáp phần đất Huỳnh Kim A được chia tại thửa 157 số đo 25m;

4.3.1.3. Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 3.132m², tại thửa số 156 (loại đất màu), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

-Hướng Đông giáp phần đất ông Huỳnh Đại Q được chia tại thửa 156 số đo 88,93m;

-Hướng Tây giáp phần đất ông Huỳnh Văn D được chia tại thửa 156 số đo 73,23m+ 5,33m + 11,89m;

- Hướng Nam giáp phần đất bà Huỳnh Kim A được đo 40,88 m;

-Hướng Bắc giáp phần đất ông Huỳnh Văn D được chia tại thửa 156 số đo 30,43 m;

4.3.2. Ông Huỳnh Văn D được nhận hiện vật là phần đất có tổng diện tích 26.674,59m², bao gồm:

4.3.2.1. Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 15.583,9m², một phần tại thửa số 156 (loại đất mùa), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp kênh thủy lợi, ông Tr, ông Q và bà A số đo 125,71m + 14769m + 22,05m + 47,53m + 30,43m + 73,23 m + 5,33m + 1 l,89m;

- Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Ng số đo 90,79m + 106,1m + 8,83m + 5,13m;

- Hướng Nam giáp một phần thửa số 157 số đo 6,62m;

- Hướng Bắc giáp đất ông Cao Văn Vũ số đo 16,7m + 46,5 lm + 55,32m;

4.3.2.2. Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.210,39m², tại thửa số 157 (loại đất LNK), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

-Hướng Đông giáp phần đất bà Huỳnh Kim A được chia thửa số 157 số đo 75,84m + 24,88m + 22,03m;

-Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Ng số đo 25,6m + 18,86m + 4,1m + 10,21m + 42,22m;

-Hướng Nam giáp phần đất ông Huỳnh Văn D được chia thửa số 158 số đo 32m;

-Hướng Bắc giáp phấn đất ông Huỳnh Văn D được chia thửa số 156 số đo 6,62m.

4.3.2.3; Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.905m², tại thửa số 158 (75m² loại đất T + 1.830m2 loại đất LNK), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

-Hướng Đông giáp phần bà Huỳnh Kim A thửa số 158 số đo 33,10m;

-Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Ng số đo 28,67m;

-Hướng Nam giáp lộ đal số đo 62m;

-Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Ng và thửa số 157 ông D được chia số đo 27,85m + 32 m.

4.3.2.4. Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 7.975,3m², tại thửa số 09 (loại đất mùa), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

-Hướng Đông giáp kênh thủy lợi số đo 64,8lm;

-Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Công số đo 65,14m + 5,63m;

-Hướng Nam giáp đất ông Cao Văn Vũ số đo 91,87m + 20,65m + 4,78m;

-Hướng Bắc giáp bờ kênh nông trường số đo 112,88m+ 4,78m.

4.3.3. Ông Huỳnh Minh Tr được nhận hiện vật là phần đất có tổng diện tích 7.970,17m², bao gồm:

4.3.3.1. Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 985,3m2, tại thửa số 158 (75m² loại đất T + 910,3m² loại đất LNK), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

-Hướng Đông giáp phần đất chung và giáp kênh thủy lợi số đo 27m + 6,5m + 5m + 16,5m + 9,49m;

-Hướng Tây giáp phần đất ông Huỳnh Đại Q được chia thửa 158 số đo 33,14m;

-Hướng Nam giáp lộ đal số đo 25m;

-Hướng Bắc giáp phần đất ông Huỳnh Minh Tr được chia thửa 157 số đo 46,43m.

4.3.3.2. Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 5.233,07m², tại thửa số 157 (loại đất LNK), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

-Hướng Đông giáp giáp kinh thủy lợi số đo 100,87m+ 61,37m + 21,91m;

-Hướng Tây giáp phần đất ông Huỳnh Đại Q thửa 157 và ông Huỳnh Minh Tr được chia thửa 156 số đo 101,07m + 85,55m;

-Hướng Nam giáp phần đất ông Huỳnh Minh Tr được chia thửa 158 số đo 46,43m;

-Hướng Bắc giáp phần đất ông Huỳnh Văn D được chia thửa 156 số đo 14,69m.

4.3.3.3. Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.751,8m2, tại thửa số 156 (loại đất màu), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

-Hướng Đông giáp phần đất ông Huỳnh Minh Tr được chia thửa 157 số đo 84,16m;

-Hướng Tây giáp phần đất ông Huỳnh Đại Q được chia thửa 156 số đo 85,55m;

-Hướng Nam giáp phần đất ông Huỳnh Minh Tr được chia thửa 157 số đo 19,3m;

-Hướng Bắc giáp phần đất ông Huỳnh Văn D được chia một phần thửa 156 số đo 22,05m.

4.3.4. Ông Huỳnh Đại Q được nhận hiện vật là phần đất có tổng diện tích 7.965,7m², bao gồm:

4.3.4.1. Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 3.299,4m² tại thửa số 157 (loại đất LNK), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

-Hướng Đông giáp phần đất ông Huỳnh Minh Tr được chia tại 157 số đo 101,07m;

-Hướng Tây giáp phần đất bà Huynh Kim Anh được chia tại thửa 157 số đo 100,91m;

-Hướng Nam giáp phần đất ông Huỳnh Đại Q được chia tại thửa 158 số đo 25m;

-Hướng Bắc giáp giáp phần đất ông Huỳnh Đại Q được chia tại thửa 156 số đo 40,52m;

4.3.4.2. Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 848,2m², tại thửa số 158 (75m² loại đất T + 773,2m² loại đất LNK), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

-Hướng Đông giáp phần đất ông Huỳnh Minh Tr được chia thửa 158 số đo 33,14m;

-Hướng Tây giáp phần đất bà Huỳnh Kim A được chia thửa 158 số đo 34,57m;

-Hướng Nam giáp lộ dal số đo 25 m;

-Hướng Bắc giáp phần đất ông Huỳnh Đại Q được chia thửa 157 số đo 25 m;

4.3.4.3. Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 3.818,10 m², tại thửa số 156 (loại đất màu), tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo, tứ cận:

-Hướng Đông giáp phần đất ông Huỳnh Minh Tr được chia tại thửa 156 số đo 85,55m;

-Hướng Tây giáp phần đất bà Huỳnh Kim A được chia tại thửa 156 số đo 88,93m;

-Hướng Nam giáp phần đất ông Huỳnh Đại Q được chia tại thửa 157 số đo 40,52m;

-Hướng Bắc giáp phần đất ông Huỳnh Văn D được chia tại thửa 156 số đo 47,53m;

4.3.5. Ông Huỳnh Văn D có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch cho bà Huỳnh Kim A nhận tương ứng với số tiền là 60.727.500 đồng, cho ông Huỳnh Đại Q tương ứng với số tiền là 67.243.800 đồng và ông Huỳnh Minh Tr tương ứng với số tiền là 46.379.650 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/11/2020, nguyên đơn ông Huỳnh Minh Tr, bị đơn ông Huỳnh Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Kim A, ông Huỳnh Đại Q làm đơn kháng cáo với nội dung:

Ông Huỳnh Minh Tr yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về việc yêu cầu chia đều tài sản là các phần đất của cha mẹ ông để lại cho các anh em ông, đồng thời yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông với số tiền 41.000.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn D yêu cầu Tòa án xem xét lại một phần bản án sơ thẩm đối với việc buộc ông trả giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch cho bà Huỳnh Kim A với số tiền 60.727.500 đồng, cho ông Huỳnh Đại Q với số tiền 67.243.800 đồng và ông Huỳnh Minh Tr với số tiền 46.379.650 đồng và tiền chi phí đo đạc là 14.188.000 đồng.

Ông Huỳnh Đại Q, bà Huỳnh Kim A yêu cầu Tòa án xem xét theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông, bà về việc yêu cầu chia đều tài sản là các phần đất của cha, mẹ ông bà để lại cho các anh em ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Từ thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Tại phiên toà hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên toà phúc thẩm.

-Về kháng cáo: Xét kháng cáo của ông Huỳnh Minh Tr, ông Huỳnh Văn D, ông Huỳnh Đại Q, bà Huỳnh Kim A là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đơn kháng cáo của các đương sự nộp trong thời hạn 15 ngày theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án theo Khoản 4 Điều 34 BLTTDS, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, cũng như xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp theo khoản 5, 9 Điều 26 BLTTDS. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Tr thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế tài sản, không yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, mặt khác người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đại Q, bà Huỳnh Kim A cũng thay đổi yêu cầu độc lập từ yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thành yêu cầu chia thừa kế tài sản. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông Tr không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện cũng như việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tr, yêu cầu độc lập của bà A, ông Q là tự nguyện. Do đó, theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông Tr và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của ông Tr, bà A và ông Q là đúng quy định pháp luật.

-Xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đảm bảo theo quy định tại Điều 68, 85 BLTTDS về nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện trong vụ án.

Về nội dung: của ông Huỳnh Minh Tr, ông Huỳnh Văn D, ông Huỳnh Đại Q, bà Huỳnh Kim A.

Các đương sự thống nhất thừa nhận toàn bộ diện tích đất tại các thửa số 09, 156, 157 và một phần diện tích đất 4.240,3m² (gồm 1.413,6m² do ông D đang quản lý, sử dụng và 2.826,7m² do ông Tr đang quản lý, sử dụng) tại thửa số 158 là tài sản có nguồn gốc do bà Nh tạo lập. Riêng đối với một phần diện tích đất 912,4m² tại thửa số 158 có vị trí giáp đất ông Ng có nguồn gốc là đất của ông Ng, sau đó ông Ng giao đất cho ông Bảy N (hiện đã chết), rồi ông Bảy N chuyển nhượng đất cho bà H (thường gọi là bà út Khuê), sau này bà H mới chuyển nhượng đất lại cho người khác. Theo ông Tr thì người nhận chuyên nhượng đất của bà H là bà Nh, còn theo ông D thì người nhận chuyển nhượng đất của bà H là ông D, nhưng cả ông Tr và ông D đều không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong khi đó, ông Ng và bà H đều khẳng định người nhận chuyển nhượng đất của bà H là bà Nh chứ không phải ông D. Từ đó, có cơ sở khăng định một phần diện tích đất 912,4m² tại thửa số 158 cũng có nguồn gốc do bà Nh tạo lập. Như vậy, các phần đất tại các thửa số 09, 156, 157 và 158 đều là tài sản có nguồn gốc do bà Nh tạo lập khi bà Nh còn sống.

Bà A, ông Tr, ông D và ông Q đều cho rằng khi bà Nh còn sống thì bà Nh đã tiến hành chia đất đối với các phần đất tại các thửa số 09, 156, 157 và 158 cho các con, việc chia đất chỉ thỏa thuận miệng chứ không có lập thành văn bản, đồng thời bà Nh chết cũng không có để lại di chúc định đoạt đối với các phần đất này. Bà A, ông Tr và ông Q cho rằng bà Nh đã tiến hành chia đất như sau: Tại thửa số 09 chia cho ông D 2.000m², chia cho ông Q 1.500m², chia cho ông Tr 3.325m²; tại thửa số 15 chia cho ông D 16.000m², chia cho ông Tr 4.600m²; tại thửa số 157 chia cho bà A 3.000m² , chia cho ông Tr 9.310m²; tại thửa số 158 chia cho ông D 4.000m², chia cho ông Tr 2.640m². Còn theo ông D thì bà Nh đã chia toàn bộ các phần đất tại các thửa số 09, 156, 157 và 158 cho ông D, vì bà A, ông Tr và ông Q đã được bà Nh chia cho vàng, tiền và khoảng 20.000m² đất ruộng cũng tại xã Tân Long. Tuy nhiên, cả bà A, ông Tr, ông D và ông Q đều không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình; hơn nữa việc chia đất theo hình thức tặng cho đất nêu trên phải được lập thành văn bản hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và các bên phải tiến hành các thủ tục sang tên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai qua các thời kỳ. Vì vậy, dù thực sự có việc bà Nh chia đất cho các con bằng thỏa thuận miệng thì cũng không có giá trị pháp lý, nên các phần đất tại các thửa số 09, 156, 157 -và 158 là tài sản có nguồn gốc do bà Nh tạo lập vẫn thuộc quyền sử dụng của bà Nh tại thời điểm bà Nh còn sống; các phần đất này cũng đủ điều kiện để được Nhà nước cấp giấy CNQSD đất cho người sử dụng đất theo pháp luật về đất đai (thể hiện qua việc ông D đã được cấp giấy CNQSD đất); cho nên sau khi bà Nh chết không để lại di chúc thì các phần đất này trở thành di sản thừa kế của bà Nh và đủ điều kiện để Tòa án xem xét, giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Do đó, Bản án sơ thẩm giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của bà Nh chết đê lại gồm các phần đất tại các thửa số 09, 156, 157 và 158 là có căn cứ. Do ông D nhận nhiều đất hơn nên phải trả giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch cho bà Huỳnh Kim A với số tiền 60.727.500 đồng, cho ông Huỳnh Đại Q với số tiền 67.243.800 đồng, cho ông Huỳnh Minh Tr với số tiền 46.379.650 đồng và chi phí đo đạc 14.188.000 đồng là phù hợp.

Đối với yêu cầu của ông Tr về việc đòi ông D, ông Đồng và ông Sắc bồi thường thiệt hại về cây trồng và cá trong mương với tổng số tiền 41.000.000 đồng. Xét thấy, đây chỉ là lời trình bày một phía của ông Tr, ông Tr không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Sự việc gây thiệt hại theo như lời trình bày của ông Tr không được phía ông D thừa nhận và cũng không có ai chứng kiến; biên bản ghi nhận sự việc do ông Trương Văn R lập vào ngày 28/01/2019 cùng là sau ngày xảy ra sự việc và nội dung biên bản dựa hoàn toàn vào lời trình bày của ông Tr chứ người lập biên bản không có tiến hành xác minh, làm rõ sự việc và cũng không có phía ông D ký xác nhận nội dung biên bản.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ pháp luật, ông D, ông Q, bà A về việc chia thừa kế, cũng như ông Tr kháng cáo về việc phân chia thừa kế và yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng không đưa ra được những tình tiết, chứng cứ mới chứng minh ngoài chứng cứ đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Minh Tr, ông Huỳnh Văn D, ông Huỳnh Đại Q, bà Huỳnh Kim A, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Án phí dân sự phúc thẩm đương sự phải nộp, tuy nhiên ông Tr, ông D, bà A, ông Q là con liệt sỹ nên được miễn án phí.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Minh Tr, ông Huỳnh Văn D, ông Huỳnh Đại Q, bà Huỳnh Kim A, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 52/2020/DS – ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Tr, ông D, bà A, ông Q là con liệt sỹ nên được miễn án phí.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự
- Lưu VP, Lưu HSVA, LT (ĐHV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Tuấn